

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1271** /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày **05** tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nội dung được phân công chủ trì trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; định kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để tổng hợp chung báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng thường trực CP (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng;
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để đăng tin);
- Lưu: VT, TCTK. **06**

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng



**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM
GIẢI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

(Kèm theo Quyết định số ~~1231~~ 1231/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Sửa đổi Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2027	2030	Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung được thông qua
1.1.2	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.1	Xây dựng Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)	01121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)
1.1.2.2	Xây dựng Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	01122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 11/2022	Nghị định quy định Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia
1.1.2.3	Xây dựng Quyết định ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	01123	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
1.1.2.4	Xây dựng Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia	01124	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Chương trình điều tra thống kê quốc gia

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.5	Xây dựng Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	01125	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 12/2022	Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
1.1.2.6	Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành	01126	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2025	Thông tư Hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành được ban hành và đưa vào áp dụng
1.1.2.7	Xây dựng, hoàn thiện các bộ chỉ tiêu thống kê khác	01127	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Thông tư của Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được ban hành
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.1.3	Xây dựng, hoàn thiện các văn bản pháp lý phục vụ công tác thống kê	0113	Bộ, ngành		2022	2030	Các văn bản pháp lý phục vụ công tác thống kê được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.3.1	Xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê	01131	Bộ, ngành		2022	2030	Các văn bản pháp lý phục vụ công tác thống kê được ban hành
1.1.3.2	Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức thống kê Bộ, ngành	01132	Bộ, ngành		2022	2030	Các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức thống kê Bộ, ngành được ban hành
1.1.3.3	Cập nhật, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn công tác thống kê chuyên ngành	01133	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn công tác thống kê chuyên ngành của các bộ, ngành
1.1.3.4	Cập nhật, hoàn thiện Quy chế phối hợp giữa Bộ, ngành và TCTK, giữa các bộ ngành liên quan trong công tác thống kê, chia sẻ dữ liệu và thông tin thống kê	01134	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Quy chế phối hợp giữa Bộ, ngành và TCTK, giữa các bộ ngành liên quan trong công tác thống kê, chia sẻ dữ liệu và thông tin thống kê được cập nhật và ban hành
1.2	Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức	012					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.1	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0121					
1.2.1.1	Thành lập Ban soạn thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	01211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ		Tháng 3/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 151/QĐ-TCTK ngày 02/3/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc thành lập Ban biên soạn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020; - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020.
1.2.1.2	Xây dựng Đề án kiện toàn, sắp xếp các đơn vị bên trong Tổng cục Thống kê	01212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ	Tháng 3/2021	Tháng 11/2021	Đề án kiện toàn, sắp xếp các đơn vị bên trong Tổng cục Thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.1.3	Biên soạn Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động trình Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ	01213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ		Tháng 12/2021	Tờ trình trình Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ
1.2.2	Kiến toàn mô hình tổ chức theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt kế hoạch sắp xếp các đơn vị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị; - Công văn hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức cấp phòng.
1.2.2.1	Xây dựng kế hoạch sắp xếp các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	01221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Quyết định Phê duyệt kế hoạch sắp xếp các đơn vị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.2.2	Sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trước đây theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư	01222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Quyết định sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trước đây theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg
1.2.2.3	Xây dựng Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức khi tổ chức sắp xếp các đơn vị	01223	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Tổng cục trưởng ban hành Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức khi tổ chức sắp xếp các đơn vị
1.2.2.4	Xây dựng văn bản hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức cấp phòng	01224	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Văn bản hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức cấp phòng
1.2.2.5	Xây dựng Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương	01225	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Quyết định của Tổng cục trưởng về thành lập, sáp nhập phòng và tương đương

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.2.6	Triển khai thực hiện Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương	01226	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Kết quả thực hiện Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương của các đơn vị triển khai thực hiện theo Quyết định của Tổng cục trưởng
1.2.3	Kiến toàn mô hình tổ chức đối với tổ chức thống kê bộ, ngành; củng cố nhân lực thống kê cho bộ, ngành và địa phương	0123	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến toàn mô hình tổ chức; - Kiến toàn các chức danh Lãnh đạo và bổ sung nguồn nhân lực; - Đề xuất bổ sung nhân lực; - Số lượng công chức làm công tác thống kê.
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp	0131					
1.3.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao	01311	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao	01312	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước
1.3.1.3	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao	01313	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132					
1.3.2.1	Xây dựng chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	01321	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	2030	Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.2	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01322	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách, kèm thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê.
1.3.2.3	Đề nghị hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	01323	Bộ, ngành			Hàng năm	Số lượng các chuyên gia của các tổ chức quốc tế về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo, dự án hỗ trợ kỹ thuật, các hội thảo, hội nghị trực tiếp, trực tuyến...

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.4	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin...với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01324	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa học, lớp bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia về lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia giảng dạy; - Số lượt công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng.
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn	0133					
1.3.3.1	Nghiên cứu tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ trong kế hoạch tuyển dụng người làm công tác thống kê	01331	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	2030	Ban hành văn bản quy định các tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.3.2	Triển khai thực hiện chính sách của Đảng, nhà nước về tuyển dụng, tiếp nhận...đối với công chức, viên chức tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo	01332	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo rà soát nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn; - Xây dựng kế hoạch luân chuyển, điều động nhân lực đối với các vùng khó khăn; - Số lượng công chức, viên chức tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo được tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách của Đảng, nhà nước.
1.3.4	Biệt phái công chức thống kê	0134					
1.3.4.1	Xây dựng Kế hoạch cử biệt phái công chức thống kê theo từng giai đoạn	01341	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	Kế hoạch cử biệt phái công chức thống kê theo từng giai đoạn
1.3.4.2	Triển khai thực hiện cử biệt phái công chức thống kê	01342	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	Số lượng công chức thống kê được biệt phái đến công tác tại tổ chức thống kê bộ, ngành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.4.3	Tổng kết công tác biệt phái công chức thống kê	01343	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		2030	Báo cáo đánh giá chất lượng công tác thống kê (cung cấp, phối hợp giữa Bộ, ngành với Tổng cục Thống kê) sau khi có công chức thống kê biệt phái
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					
1.4.1	Nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng	0141					
1.4.1.1	Xây dựng Đề án thành lập Trường Đại học Thống kê	01411	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2024	Đề án thành lập Trường Đại học Thống kê được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.1.2	Xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy chương trình đại học	01412	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2026	Chương trình, tài liệu giảng dạy chương trình đại học được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.1.3	Xây dựng Đề án, chương trình đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến)	01413	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2024	Đề án, chương trình đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến) được cấp có thẩm quyền phê duyệt

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.1.4	Xây dựng kế hoạch tuyển sinh; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	01414	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	- Kế hoạch tuyển sinh; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng sinh viên đại học tuyển sinh hàng năm theo kế hoạch tuyển sinh.
1.4.2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức thuộc hệ thống thống kê tập trung	0142					
1.4.2.1	Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực tại Hệ thống thống kê tập trung	01421	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	Báo cáo thực trạng nguồn nhân lực tại Hệ thống thống kê tập trung
1.4.2.2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm	01422	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.2.3	Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê.	01423	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2019	Tháng 12/2022	Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê được cấp có thẩm quyền phê duyệt

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.2.4	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch	01424	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hằng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch được tổ chức; - Số lượng công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng được cấp chứng chỉ.
1.4.3	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu	0143					
1.4.3.1	Thống kê số lượng công chức cần đào tạo chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm	01431	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hằng năm	Báo cáo số lượng công chức cần đào tạo chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm
1.4.3.2	Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng chuyên sâu về khoa học thống kê và khoa học dữ liệu	01432	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2025	Quyết định của Tổng cục trưởng ban hành Chương trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên sâu về khoa học thống kê và khoa học dữ liệu
1.4.3.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm	01433	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hằng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.3.4	Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm	01434	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng lớp bồi dưỡng chuyên sâu theo vị trí việc làm được tổ chức; - Số lượng công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng.
1.4.4	Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê	0144					
1.4.4.1	Nghiên cứu, đề xuất và áp dụng các hình thức khuyến khích học tập đa dạng, phong phú	01441	Bộ, ngành			Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức khuyến khích học tập kiến thức thống kê phù hợp; - Chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê được nâng cao.
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương	0145					
1.4.5.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê	01451	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5.2	Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng	01452	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.5.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm	01453	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.5.4	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương	01454	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành và UBND cấp tỉnh tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành và UBND cấp tỉnh tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Tổng cục Thống kê tổ chức.
1.4.5.5	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, Sở ban ngành	01455	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa bồi dưỡng phổ biến kiến thức thống kê; - Số lượng học viên được bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.6	Hợp tác, liên kết với các tổ chức trong nước và quốc tế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng	0146	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; các tổ chức khác			Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng, đội ngũ giảng viên...; - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng.
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.1	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các tiêu chuẩn thống kê	021					
2.1.1	Nghiên cứu xây dựng khung chung về tiêu chuẩn thống kê	0211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Khung chung về tiêu chuẩn thống kê
2.1.2	Rà soát các tiêu chuẩn thống kê hiện có	0212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Báo cáo rà soát về các tiêu chuẩn thống kê hiện có
2.1.3	Xây dựng, chuẩn hóa các tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn thống kê quốc tế và phù hợp với Việt Nam	0213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Thông tư do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Tiêu chuẩn thống kê theo các lĩnh vực

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.1.3.1	Nghiên cứu khung tiêu chuẩn thống kê về: xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ; thống kê thương nghiệp bán buôn, bán lẻ; thống kê du lịch, vận tải hàng không, viễn thông và công nghệ thông tin; thống kê bưu chính	02131	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Tháng 8/2022	2024	Báo cáo về khung tiêu chuẩn các lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ; thống kê thương nghiệp bán buôn, bán lẻ; thống kê du lịch, vận tải hàng không, viễn thông và công nghệ thông tin; thống kê bưu chính
2.1.3.2	Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn thống kê Việt Nam	02132	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2024	2025	Thông tư do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Tiêu chuẩn thống kê
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.2.1	Biên soạn tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê	0221					
2.2.1.1	Ấn phẩm sổ tay hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn thống kê	02211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2025	2026	Tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê được ban hành và triển khai áp dụng

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.1.2	Nghiên cứu cập nhật hướng dẫn hàng năm của Thống kê Liên hợp quốc về thống kê dân số và lao động, xã hội-môi trường; biến đổi khí hậu	02212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2025	Tài liệu cập nhật hướng dẫn của Thống kê Liên hợp quốc về dân số và lao động, xã hội - môi trường; biến đổi khí hậu được phổ biến rộng rãi
2.2.1.3	Xây dựng sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê dân số và lao động, xã hội-môi trường; biến đổi khí hậu theo chuẩn mực quốc tế phù hợp với Việt Nam	02213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2025	Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê về dân số và lao động, xã hội - môi trường; biến đổi khí hậu được phổ biến rộng rãi
2.2.1.4	Biên soạn Tài liệu hướng dẫn về phân loại tội phạm vì mục tiêu thống kê	02214	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2023	2025	Tài liệu hướng dẫn về phân loại tội phạm vì mục tiêu thống kê được ban hành
2.2.2	Công bố, phổ biến, xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật các tiêu chuẩn thống kê	0222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2026	2027	Các tiêu chuẩn thống kê được công bố, phổ biến
2.2.2.1	Hội thảo hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn thống kê	02221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2026	2027	Số cuộc hội thảo, số đại biểu tham dự

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.2.2	Xây dựng trang Web tra cứu tiêu chuẩn thống kê	02222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2026	2027	Trang web tra cứu các tiêu chuẩn thống kê
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223					
2.2.3.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	02231	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.2.3.2	Đào tạo về sử dụng các tiêu chuẩn thống kê	02232	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2026	2030	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng.
2.2.3.3	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	02233	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2026	2030	- Số cơ quan thống kê bộ ngành, sở, ban ngành thuộc UBND cấp tỉnh triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành; - Số tiêu chuẩn thống kê ban hành được triển khai áp dụng.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.3	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các quy trình sản xuất thông tin thống kê	023					
2.3.1	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy trình sản xuất thông tin thống kê (Quy trình chung)	0231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2023	Quy trình sản xuất thông tin thống kê (Quy trình chung và quy trình chi tiết)
2.3.2	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy trình sản xuất thông tin thống kê theo từng nguồn dữ liệu/hình thức thu thập thông tin (quy trình chi tiết)	0232					
2.3.2.1	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy trình điều tra thống kê	02321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2023	Quy trình điều tra thống kê được ban hành
2.3.2.2	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy trình khai thác và sử dụng dữ liệu hành chính	02322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Quy trình sử dụng dữ liệu hành chính được ban hành
2.3.2.3	Nghiên cứu xây dựng Quy trình khai thác và sử dụng dữ liệu mới, dữ liệu lớn	02323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Báo cáo nghiên cứu Quy trình khai thác và sử dụng dữ liệu mới, dữ liệu lớn

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.3.2.4	Xây dựng, chuẩn hóa quy trình xử lý, tổng hợp, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện xã	02324	Bộ Kế hoạch Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Quy trình xử lý, tổng hợp, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện xã
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024					
2.4.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0241	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2025	- Kế hoạch áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê; - Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê.
2.4.2	Triển khai các hoạt động thống kê đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4.2.1	Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02421	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Số lượng văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.4.2.2	Áp dụng quy trình sản xuất thông kê trong điều tra biến động dân số, lao động việc làm	02422	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2025	Quy trình sản xuất thông tin thống kê được áp dụng thống nhất trong điều tra lao động việc làm và biến động dân số
2.4.2.3	Áp dụng quy trình sản xuất thông tin thống kê tiên tiến trong các nhóm lĩnh vực hoạt động chuyên ngành	02423	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất trong các nhóm lĩnh vực hoạt động chuyên ngành
2.5	Nghiên cứu, xây dựng, ban hành và áp dụng các mô hình thống kê hiện đại	025					
2.5.1	Nghiên cứu các mô hình thống kê hiện đại và khả năng áp dụng vào thống kê Việt Nam	0251	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo nghiên cứu về mô hình thống kê GAMSOS và khả năng áp dụng vào thống kê Việt Nam; - Báo cáo nghiên cứu về Mô hình thông tin thống kê (GSIM) và khả năng áp dụng vào thống kê Việt Nam.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.5.2	Áp dụng các mô hình thống kê hiện đại	0252	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2030	Mô hình thống kê hiện đại được áp dụng
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê (Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến; phần mềm thu thập thông tin trên thiết bị di động; Phần mềm khai thác dữ liệu hành chính từ Tổng cục Thuế; phần mềm khai thác dữ liệu từ chế độ báo cáo thống kê điện tử cấp quốc gia; phần mềm sử dụng bản đồ số GIS và ảnh viễn thám cho thống kê cây trồng...); - Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thông kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống xử lý thông tin thống kê; - Các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với thống kê Sở, Ngành ở địa phương	03121	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các nhà sản xuất thông tin thống kê với nhau
3.1.2.2	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Bộ Kế hoạch Đầu tư và các bộ, ngành liên quan	03122	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Bộ Kế hoạch Đầu tư và các bộ, ngành liên quan

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313					
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp
3.1.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành	2023	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành	2025	2030	- Báo cáo kết quả nghiên cứu; - Số các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					
3.1.4.1	Ứng dụng khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu tính chỉ số giá tiêu dùng một số nhóm hàng	03141	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Chỉ số giá tiêu dùng một số nhóm hàng (được sản xuất từ ứng dụng phương pháp quét dữ liệu giá (Data Scanning); từ các trang web (Web scraping); khai thác dữ liệu lớn ...)
3.1.4.2	Ứng dụng phương pháp khai thác dữ liệu giá bất động sản từ các trang web	03142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Chỉ số giá bất động sản một số nhóm của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
3.1.4.3	Nghiên cứu áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn chỉ tiêu thống kê, biên soạn một số chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành	03143	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2025	2030	Báo cáo nghiên cứu

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.4.4	Nghiên cứu các giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê	03144	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2025	2030	Báo cáo nghiên cứu
3.1.4.5	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03145	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh; các cơ quan NN khác	2023	2030	- Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê; - Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.
3.1.4.6	Nghiên cứu áp dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và ảnh viễn thám trong thống kê cây trồng	03146	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Triển khai thống kê cây trồng chủ yếu sử dụng GIS và ảnh viễn thám
3.2	Hiện đại hóa hoạt động quản trị dữ liệu	032					
3.2.1	Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở	0321					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.1.1	Nghiên cứu áp dụng mô hình, công nghệ quản trị dữ liệu tập trung	03211	Bộ, ngành	Bộ, ngành, UBND các tỉnh	2023	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước; - Báo cáo đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê...; - Hệ thống quản trị dữ liệu hiện đại được thiết lập và đưa vào sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.
3.2.1.2	Nghiên cứu áp dụng mô hình, công nghệ chia sẻ dữ liệu	03212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND các tỉnh	2023	2030	Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung, cách thức chia sẻ dữ liệu thống kê nhà nước
3.2.2	Xây dựng Đề án Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0322					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.2.1	Xây dựng Đề án tại Cơ quan Tổng cục Thống kê	03221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND các tỉnh	2022	2022	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê tại bộ, ngành và địa phương; - Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước; - Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; - Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.2.2	Xây dựng và triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu tại các Bộ, ngành	03222	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu; - Cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê; - Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê; - Báo cáo kết quả thực hiện Đề án.
3.2.3	Xây dựng Trung tâm dữ liệu thống kê	0323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Hình thành và vận hành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất
3.2.3.1	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trung tâm dữ liệu	03231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Hệ thống hạ tầng CNTT
3.2.3.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê	03232	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Cơ sở dữ liệu thống kê
3.2.3.3	Tích hợp các nguồn dữ liệu	03233	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - API nhận dữ liệu, cầu nối nhận dữ liệu; - Hệ thống tích hợp dữ liệu từ các nguồn.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.3.4	Chia sẻ dữ liệu thống kê với bộ, ngành và địa phương	03234	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công Thương	Bộ, ngành	2022	2030	API chia sẻ dữ liệu
3.2.4	Xây dựng cơ chế cung cấp, khai thác, chia sẻ dữ liệu thống kê của Trung tâm dữ liệu	0324	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2023	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế, quy định cung cấp dữ liệu thống kê, bao gồm dữ liệu vi mô; - Quy chế quản lý, sử dụng và chia sẻ dữ liệu thống kê.
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.1	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê	041					
4.1.1	Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê	0411					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.1.1.1	Rà soát phiếu điều tra xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê	04111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Số Phiếu điều tra nhu cầu sử dụng thông tin thống kê được rà soát, hoàn thiện
4.1.1.2	Sử dụng webform để xác định nhu cầu thông tin thống kê	04112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Số cuộc điều tra được xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê bằng webform
4.1.1.3	Xây dựng mục phản hồi của người dùng tin đối với các ấn phẩm thống kê trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê	04113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Mục phản hồi của người dùng tin về ấn phẩm thống kê được thiết kế trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê
4.1.1.4	Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng và nhu cầu của người dùng tin	04114	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.1	Nghiên cứu khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0421	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê hiện đại được nghiên cứu và đề xuất áp dụng
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422					
4.2.2.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	04221	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh		Tháng 4/2021	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại
4.2.2.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04222	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 4/2021	2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo được áp dụng công cụ hiện đại
4.2.2.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	04223	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành liên quan	2022	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431					
4.3.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo KTXH tháng, quý, năm theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành	04311	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
4.3.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế-xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic	04312	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số lượng báo cáo kinh tế xã hội tháng, quý, năm, các báo cáo phân tích và dự báo thống kê có biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.3	Xây dựng quy trình biên soạn số liệu GDP, GRDP theo phương pháp sản xuất áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc	04313	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2022	Quy trình biên soạn số liệu GDP, GRDP theo phương pháp sản xuất được ban hành
4.3.1.4	Chuyển đổi năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh	04314	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2020	2027	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi năm gốc 2010 sang năm 2020 để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh; - Số liệu ngành công nghiệp được biên soạn theo năm gốc mới.
4.3.1.5	Cập nhật hệ thống tài khoản quốc gia theo phiên bản SNA 2008 của Liên hợp quốc	04315	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2026	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch áp dụng SNA 2008 được xây dựng; - Báo cáo giải trình nội dung thay đổi; Bảng tính toán các thay đổi do cập nhật SNA 2008; - Ấn phẩm về phương pháp tính, phạm vi, nguồn thông tin của VN được cập nhật theo SNA 2008.
4.3.1.6	Lập các tài khoản quốc gia theo khu vực thể chế	04316	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng số liệu các tài khoản; - Ấn phẩm được công bố.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.7	Hoàn thiện phương pháp luận và tính toán đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế	04317	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		5 năm	Phương pháp luận TFP được xây dựng và bảng số liệu được tính toán
4.3.1.8	Xây dựng phương pháp, nguồn thông tin đo lường đóng góp của kinh tế số trong GDP	04318	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		Hàng năm	Phương pháp luận, nguồn thông tin đo lường kinh tế số trong GDP được xây dựng
4.3.1.9	Cập nhật và hoàn thiện các danh mục sản phẩm, đơn vị điều tra, bảng quyền số các loại chỉ số giá	04319	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng danh mục sản phẩm đại diện tính chỉ số giá sản xuất được cập nhật hàng năm; - Danh mục các đơn vị điều tra giá sản xuất được cập nhật hàng năm; - Bảng số liệu quyền số tính chỉ số giá sản xuất được cập nhật hàng năm.
4.3.1.10	Cập nhật, hoàn thiện, đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê phục vụ công tác quản lý chỉ đạo, điều hành của Bộ, các cuộc họp của Lãnh đạo Bộ	043110	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Thông tin thống kê được trình bày đa dạng (biểu đồ, đồ thị, lời văn phân tích, âm thanh, hình ảnh,...) dưới dạng số, truy cập thuận lợi qua các thiết bị thông minh

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432					
4.3.2.1	Xây dựng phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm	04321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 4/2021	2030	Phần mềm biên soạn báo cáo KTXH tháng, quý, năm được xây dựng và áp dụng
4.3.2.2	Ứng dụng công cụ hiện đại để biên soạn thông tin thống kê dưới dạng video phục vụ họp báo kinh tế - xã hội quý, năm	04322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Các video thể hiện thông tin thống kê quý, năm được biên soạn phục vụ họp báo KTXH
4.3.2.3	Xây dựng phần mềm thực hiện quy trình biên soạn và công bố GDP, GRDP	04323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Phần mềm quy trình biên soạn GDP được xây dựng

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.2.4	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê tại cấp tỉnh	04324	UBND cấp tỉnh		2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng maket số liệu kinh tế-xã hội được chuẩn hóa theo phương pháp mới; - Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh (LRIS); - Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế xã hội; - Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử ...
4.3.3	Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê	0433	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn đầy đủ chi tiết; - Năm 2025: 85% các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn và công bố theo tiêu chuẩn thống kê Việt Nam; - Năm 2030: 95%.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.3.1	Biên soạn đầy đủ các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành và các Hệ thống chỉ tiêu thống kê khác được phân công	04331	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	2022	2030	Báo cáo hàng năm
4.3.3.2	Rà soát, nghiên cứu xử lý các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các Hệ thống chỉ tiêu thống kê khác được phân công nhưng chưa biên soạn được	04332	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Báo cáo theo đề xuất hàng năm
4.3.3.3	Hoàn thiện phương pháp luận và biên soạn chỉ số giá sản xuất xây dựng và chỉ số giá tiền lương theo vị trí việc làm	04333	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ; Bộ Lao động TBXH	2022	2026	Chỉ số giá sản xuất xây dựng, Chỉ số giá tiền lương được hoàn thiện phương pháp luận và áp dụng

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.3.4	Tăng cường sản xuất, biên soạn, công bố số liệu thống kê chuyên sâu thuộc lĩnh vực xã hội, môi trường, giới và biến đổi khí hậu	04334	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Sách nhỏ về số liệu thống kê trẻ em, các chỉ tiêu thống kê về trẻ em được phổ biến rộng rãi trên trang web của TCTK; - Ấn phẩm sách và bản điện tử phổ biến trên trang web của TCTK; - Số lượng các chỉ tiêu thống kê quốc gia, VSDGs, thống kê thanh niên các chỉ tiêu thống kê khác thuộc lĩnh vực xã hội, môi trường, giới và biến đổi khí hậu được biên soạn.
4.3.3.5	Tăng cường sản xuất, biên soạn, công bố số liệu thống kê về lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài	04335	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Ấn phẩm sách và bản điện tử phổ biến trên trang web của TCTK
4.3.3.6	Nghiên cứu chỉ số niềm tin ngành công nghiệp	04336	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2025	Báo cáo nghiên cứu và tính thử nghiệm chỉ số niềm tin ngành công nghiệp

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.3.7	Hoàn thiện quy trình tính giá trị sản xuất ngành công nghiệp hàng quý	04337	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2025	Quy trình tính giá trị sản xuất ngành công nghiệp hàng quý
4.3.4	Nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế	0434	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tiêu SDG 3.8.2, 10.7.1 được phổ biến trong các báo cáo quốc tế; Phương pháp tính chỉ tiêu 0115 thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được áp dụng đối với Việt Nam; - Phương pháp ước tính thu nhập bình quân đầu người cấp huyện được xây dựng và ban hành; - Các chỉ tiêu dân số, lao động, xã hội môi trường được lồng ghép vào nền tảng bản đồ dân số; - Chỉ tiêu thống kê thuộc lĩnh vực xã hội môi trường, biến đổi khí hậu được công bố; Chỉ số phát triển con người được tính cho cấp tỉnh.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
4.4.1.1	Sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo), phương tiện truyền thông, trang web của các Bộ, ngành để phổ biến thông tin thống kê	04411	Bộ, ngành	Bộ, ngành liên quan; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	- Thông tin thống kê được phổ biến bằng hình thức mới; - Thông tin thống kê của bộ, ngành được tích hợp, chia sẻ.
4.4.1.2	Phổ biến các thông tin thống kê theo các chỉ tiêu thống kê mới được quy định trong Nghị định quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (Theo Luật Thống kê năm 2021)	04412	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Thông tin thống kê các chỉ tiêu mới được phổ biến trong các ấn phẩm thống kê, như: Tài liệu phổ biến thông tin thống kê ngành hàng năm; Niên giám thống kê ngành ...
4.4.1.3	Phổ biến thông tin thống kê trong các buổi họp báo của hệ thống thống kê tập trung bằng hình ảnh động thông qua các ứng dụng web	04413	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Thông tin thống kê bằng hình ảnh động được phổ biến

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.4	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04414	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành	2021	2030	Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của TCTK, của UBND cấp tỉnh
4.4.1.5	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố	04415	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố
4.4.1.6	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm	04416	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm được phổ biến trong buổi họp báo, ấn phẩm, website...
4.4.1.7	Xây dựng, cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống thống kê tập trung	04417	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND cấp tỉnh	2022	2030	Website của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống thống kê tập trung được xây dựng, cập nhật

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.8	Bảo đảm cung cấp sản phẩm thống kê kịp thời và tăng cường cung cấp dữ liệu thống kê vi mô	04418	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng các sản phẩm thống kê được cung cấp tới người sử dụng thông tin thống kê kịp thời theo lịch công bố thông tin; - Số lượt cung cấp dữ liệu vi mô các cuộc điều tra; dung lượng dữ liệu vi mô đã cung cấp.
4.4.2	Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê	0442					
4.4.2.1	Khảo sát thực trạng và nhu cầu xây dựng cổng TTĐT	04421	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2023	Báo cáo đánh giá thực trạng, nhu cầu xây dựng cổng thông tin điện tử
4.4.2.2	Xây dựng yêu cầu chức năng, yêu cầu giải pháp kỹ thuật, công nghệ	04422	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2024	Yêu cầu chức năng, yêu cầu giải pháp kỹ thuật, công nghệ

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.2.3	Xây dựng các chức năng của cổng thông tin điện tử theo yêu cầu	04423	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2024	2025	Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê được vận hành
4.4.3	Hoàn thành và đưa khai thác, sử dụng Đề án Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử	0443	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2022	Đề án Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử được ban hành và triển khai
4.5	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	045					
4.5.1	Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	0451	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Kế hoạch tuyên truyền; Tài liệu tuyên truyền; Các bài viết trên báo in, báo điện tử; - Các phóng sự, chuyên đề trên truyền hình, đài tiếng nói Việt Nam.
4.5.1.1	Tổ chức các cuộc hội nghị phổ biến kiến thức thống kê, tập huấn chuyên đề, chuyên môn	04511	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Số hội nghị, tập huấn

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.5.1.2	Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình	04512	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Số buổi phát thanh, truyền hình, số bài báo tuyên truyền về công tác thống kê
4.5.1.3	Tổ chức tuyên truyền trên các ấn phẩm thống kê và các hình thức, phương tiện khác	04513	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	- Số lượng Sổ tay, tài liệu, ấn phẩm; số buổi họp báo chuyên đề; - Số Ấn phẩm tuyên truyền về Luật Thống kê 2015, Luật thống kê sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành.
4.5.2	Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê	0452	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Các tài khoản chính thức trên các phương tiện truyền thông xã hội; - Các clip ngắn, các bài giảng về Luật Thống kê, về kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.5.3	Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê	0453	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Sổ lần tương tác; - Ý kiến phản hồi; - Các tài liệu hướng dẫn; - Hội nghị người dùng tin thống kê được tổ chức.
5	Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê	05					
5.1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	051					
5.1.1	Rà soát, cập nhật các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	0511	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê
5.1.2	Xây dựng Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0512	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.1.3	Xây dựng kế hoạch và các Dự án để triển khai Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0513	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Kế hoạch và các Dự án thuộc Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê	052					
5.2.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số	0521					
5.2.1.1	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê	05211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại hệ thống thống kê tập trung; - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại bộ, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê; - Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.1.2	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công, bảo vệ ở mức cơ bản	05212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Hệ thống hạ tầng CNTT
5.2.1.3	Xây dựng các nền tảng số phục vụ hoạt động sản xuất thông tin thống kê, đặc biệt là hoạt động thu thập thông tin	05213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê
5.2.2	Tập trung nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê	0522					
5.2.2.1	Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây triển khai các hệ thống thông tin thống kê	05221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Triển khai phần mềm ứng dụng công nghệ điện toán đám mây
5.2.2.2	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê	05222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.3	Chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo điều hành	0523					
5.2.3.1	Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm phục vụ quản lý, điều hành	05231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm quản lý công việc, quản lý cuộc họp, quản lý tài liệu, danh bạ điện thoại điện tử, được nâng cấp, hoàn thiện; - Xây dựng phần mềm quản lý kiến nghị, phần mềm Dash Board phục vụ chỉ đạo điều hành, phần mềm quản lý đăng ký đi công tác; - Kết nối phần mềm quản lý công việc với phần mềm quản lý văn bản.
5.2.3.2	Xây dựng và thực hiện Đề án chuyển đổi số trong hệ thống thống kê bộ, ngành	05232	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	Quyết định phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong hệ thống thống kê bộ, ngành
5.2.4	Chuyển đổi số trong hoạt động thống kê	0524	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	Số lượng các hoạt động thống kê được thực hiện chuyển đổi số

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3	Tư liệu hóa công tác thống kê	053	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	
5.3.1	Thực hiện thường xuyên, liên tục việc ghi chép, ghi nhận hoạt động trong lĩnh vực thống kê	0531					
5.3.1.1	Rà soát cập nhật Kiến trúc tổng thể của Tổng cục Thống kê	05311	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Kiến trúc tổng thể của Tổng cục Thống kê được cập nhật
5.3.1.2	Thực hiện cập nhật lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên cổng thông tin điện tử	05312	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Cơ sở dữ liệu lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên cổng thông tin điện tử

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3.1.3	Hiện đại hóa Thư viện Tổng cục thống kê	05313	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình vận hành hệ thống thư viện điện tử và thư viện truyền thống: quản lý tài liệu, quản lý bạn đọc; - Cơ sở vật chất thư viện bảo đảm là nơi lưu trữ lâu dài các ấn phẩm, tư liệu của Ngành thống kê; - Phần mềm quản lý công tác quản lý thư viện, quản lý bạn đọc; - Phần mềm phục vụ bạn đọc trên môi trường internet.
5.3.2	Chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng	0532	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình hoạt động thống kê được chuẩn hóa; - Cơ sở dữ liệu về các tài liệu được số hóa; - Sách điện tử.
5.3.2.1	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ	05321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	Tài liệu lưu trữ được chỉnh lý hoàn chỉnh

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3.2.2	Số hóa tài liệu lưu trữ	05322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ được cập nhật
5.3.2.3	Nâng cấp phần mềm tra cứu tài liệu lưu trữ và kết nối với phần mềm quản lý văn bản	05323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2023	- Phần mềm tra cứu tài liệu sử dụng trong toàn Ngành; - Kết nối phần mềm tra cứu tài liệu với phần mềm quản lý văn bản.
5.3.3	Tư liệu hóa các hoạt động thống kê	0533	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	- Quy trình tư liệu hóa các hoạt động thống kê được chuẩn hóa; - Xây dựng cơ sở dữ liệu để số hóa; đưa thông tin, lưu trữ thông tin; - Số lượng các hoạt động thống kê được tư liệu hóa.
6	Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong công tác thống kê	06					
6.1	Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế	061					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.1	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác song phương, đa phương với các cơ quan thống kê, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển	0611	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm với các cơ quan thống kê được ban hành; - Số lượng các cuộc họp xúc tiến hợp tác song phương và đa phương với các cơ quan thống kê; - Số lượng các quốc gia có trình độ thống kê phát triển, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển tài trợ/cung cấp hỗ trợ trên các lĩnh vực thống kê; - Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam tham gia hội thảo quốc tế/học tập, trao đổi kinh nghiệm với các nước; - Số lượng các Hiệp định/Biên bản ghi nhớ/Thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương được ký kết; - Số lượng các đoàn đối tác nước ngoài vào làm việc về thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.2	Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động của thống kê Liên hợp quốc và khu vực	0612	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực ASEAN được Tổng cục Thống kê tham gia; - Số người được cử tham gia các Ban chỉ đạo, Nhóm công tác của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực; - Số nhóm công tác và số lĩnh vực thống kê chuyên ngành mà Tổng cục Thống kê là thành viên hoặc tham gia.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.3	Đẩy mạnh cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới	0613	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng các đoàn khảo sát được Tổng cục Thống kê tiếp nhận; - Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam đi giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; - Số lượng các khóa đào tạo thống kê được cung cấp bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.4	Tăng cường nâng cao vị thế Thống kê Việt Nam trong cộng đồng thống kê khu vực và thế giới	0614	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng các ấn phẩm quảng bá hình ảnh của Thống kê Việt Nam được phổ biến tới các nước và các tổ chức quốc tế; - Video clip giới thiệu Thống kê Việt Nam được trình chiếu tại các hội nghị, hội thảo, cuộc họp quốc tế trong và ngoài nước; - Số lượng hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê do TCTK VN đăng cai/phối hợp tổ chức.
6.2	Nâng cao chất lượng công tác thống kê nước ngoài, đảm bảo so sánh quốc tế	062					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.2.1	Đẩy mạnh biên soạn và phổ biến thông tin thống kê Việt Nam cho quốc tế	0621	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin, bảng biểu số liệu thống kê của Việt Nam được biên soạn theo chuẩn mực chung của từng chương trình tham gia và phổ biến/cung cấp kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng dùng tin quốc tế; - Số lượng các chương trình thống kê khu vực và quốc tế được Tổng cục Thống kê/bộ, ngành cung cấp thông tin thống kê của Việt Nam.
6.2.2	Thu thập, biên soạn, phổ biến số liệu và kiến thức thống kê của các nước và các Tổ chức quốc tế cho người dùng tin trong nước	0622	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo, bảng biểu số liệu thống kê, Niên giám Thống kê, các ấn phẩm thống kê được biên soạn và phổ biến/cung cấp kịp thời; - Các tài liệu về thống kê quốc tế được biên soạn và phổ biến/cung cấp kịp thời; - Số lượng tài liệu, báo cáo của các đoàn đi công tác nước ngoài được lưu trữ và sử dụng.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.2.3	Nghiên cứu, thu thập, phổ biến các đánh giá, xếp hạng và xu hướng phát triển hoạt động thống kê của các tổ chức quốc tế đối với Thống kê Việt Nam	0623	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo nhận định, đánh giá, xếp hạng vị thế của thống kê Việt Nam của các tổ chức quốc tế trên các lĩnh vực thống kê được phổ biến rộng rãi trong Hệ thống Thống kê Việt Nam; - Báo cáo/đề tài về xu hướng phát triển hoạt động thống kê được phổ biến rộng rãi trong Hệ thống Thống kê Việt Nam.
6.3	Tăng cường vận động, sử dụng hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho việc thực hiện CLTK21-30	063					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3.1	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các cơ quan Thống kê quốc gia và các tổ chức quốc tế, định chế tài chính cho việc thực hiện CLTK21-30	0631	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	- Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành; - Số lượng các Hội nghị nhà tài trợ được tổ chức; Số lượng các đối tác phát triển tham dự Hội nghị và tài trợ cho TCTK hoặc bộ, ngành.
6.3.2	Cập nhật, sửa đổi và ban hành Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế và Quy chế quản lý và thực hiện các chương trình, dự án của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài	0632	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2022	Quy chế quản lý và thực hiện các chương trình, dự án của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài và Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế được ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn ngành
6.3.3	Nâng cao trình độ, năng lực cho các công chức thực hiện và quản lý dự án	0633	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Số lượng công chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngoại ngữ, quản lý, đấu thầu dự án,... và được cấp chứng chỉ

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo	07					
7.1	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học	071					
7.1.1	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến	0711					Số lượng đề tài/chuyên đề về phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê
7.1.1.1	Nghiên cứu xây dựng quy trình thu thập dữ liệu hành chính	07111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2025	Ban hành quy trình thu thập dữ liệu hành chính và tài liệu hướng dẫn
7.1.1.2	Nghiên cứu phương pháp thanh tra hoạt động điều tra thống kê của Tổng cục Thống kê	07112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2024	Ban hành phương pháp thanh tra hoạt động điều tra thống kê của Tổng cục Thống kê
7.1.1.3	Nghiên cứu xây dựng mô hình truyền thông tiên tiến, hiện đại nâng cao vai trò, vị thế ngành Thống kê	07113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2024	2030	Ban hành mô hình truyền thông của Tổng cục Thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.1.4	Nghiên cứu áp dụng Khung thống kê không gian địa lý toàn cầu tại Việt Nam	07114	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2024	Đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu và áp dụng
7.1.1.5	Nghiên cứu xây dựng phương pháp đo lường và nguồn thông tin đầu vào phục vụ ước tính khu vực kinh tế ngầm và kinh tế bất hợp pháp ở Việt Nam	07115	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2023	Số liệu ước tính về quy mô khu vực kinh tế ngầm và kinh tế bất hợp pháp ở Việt Nam
7.1.1.6	Nghiên cứu các nội dung cập nhật SNA 2008 của cơ quan Thống kê Liên hiệp quốc	07116	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Chuyên đề nghiên cứu làm căn cứ đề xuất triển khai thực hiện
7.1.1.7	Nghiên cứu ứng dụng/cập nhật các nội dung đổi mới SNA 2008	07117	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	Chuyên đề nghiên cứu làm căn cứ đề xuất triển khai thực hiện
7.1.1.8	Nghiên cứu tài liệu hướng dẫn của Thống kê Liên hợp quốc về thống kê dân số và lao động, xã hội - môi trường; biến đổi khí hậu	07118	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu về thống kê dân số và lao động, xã hội - môi trường; biến đổi khí hậu

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.1.9	Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê quốc tế để tối đa hóa việc biên soạn số liệu các chỉ tiêu phát triển bền vững Việt Nam (VSDG) thuộc lĩnh vực dân số và lao động, xã hội-môi trường; biến đổi khí hậu	07119	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Chuyên đề nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến vào việc biên soạn số liệu SDGs lĩnh vực dân số và lao động, xã hội-môi trường; biến đổi khí hậu
7.1.2	Nghiên cứu khoa học dữ liệu, dữ liệu mới	0712					
7.1.2.1	Nghiên cứu về khoa học dữ liệu	07121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê
7.1.2.2	Nghiên cứu về dữ liệu mới (sử dụng dữ liệu bigdata, sử dụng dữ liệu do công dân tạo ra...)	07122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.3	Nghiên cứu, áp dụng phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh	0713	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê
7.1.3.1	Nghiên cứu về thống kê rủi ro	07131	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2024	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê
7.1.3.2	Nghiên cứu áp dụng phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh khác	07132	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2030	Đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu và áp dụng
7.1.4	Nghiên cứu các chính sách, chiến lược, mô hình thống kê hiện đại và thực hành thống kê tốt	0714					
7.1.4.1	Nghiên cứu về thực hành thống kê tốt	07141	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.4.2	Nghiên cứu về Chiến lược quản lý dữ liệu	07142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2026	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê
7.1.4.3	Nghiên cứu về Chiến lược truyền thông trong thống kê	07143	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2024	2025	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê
7.1.4.4	Nghiên cứu về xây dựng văn hóa chất lượng trong thống kê	07144	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2026	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê
7.1.4.5	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê phục vụ công tác thống kê của bộ, ngành	07145	Bộ, ngành		2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề về phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê của bộ, ngành
7.2	Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo	072					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.2.1	Mở rộng các hoạt động hợp tác	0721	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; tổ chức/cá nhân khác		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng các Hội thảo khoa học được tổ chức; - Số lượng các hoạt động hợp tác, liên kết trong nghiên cứu.
7.2.2	Hình thành mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số	0722	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; tổ chức/cá nhân khác	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số được hình thành; - Cơ sở dữ liệu về các nhà khoa học được xây dựng và cập nhật; - Các nhóm nghiên cứu được thành lập và hoạt động.
8	Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê	08					
8.1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	081					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.1.1	Thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0811	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Kết luận thanh tra.
8.1.2	Kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0812	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.1.3	Giám sát việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0813	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	Báo cáo kết quả giám sát
8.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	082					
8.2.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với Bộ, ngành	0821	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2.2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp tỉnh	0822	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.2.3	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp huyện	0823	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2.4	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp xã	0824	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2026	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.3	Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ Luật Thống kê trong sản xuất thông tin thống kê của Hệ thống thống kê Nhà nước	083					
8.3.1	Kiểm tra việc sản xuất thông tin đối với Bộ, ngành	0831	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.3.2	Kiểm tra việc sản xuất thông tin đối với hệ thống thống kê tập trung	0832	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung, bộ, ngành và UBND cấp tỉnh được phê duyệt
9.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược	0912	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK của Hệ thống thống kê tập trung, bộ, ngành và UBND cấp tỉnh được phân bổ cho các đơn vị thực hiện
9.1.3	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0913	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác của Hệ thống thống kê tập trung, bộ, ngành và UBND cấp tỉnh được huy động và phân bổ để thực hiện Chiến lược

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	092					
9.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0921	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được Hệ thống thống kê tập trung, bộ, ngành và UBND cấp tỉnh phê duyệt
9.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0922	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung, bộ, ngành và UBND cấp tỉnh được phân bổ
9.3	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093					
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0931	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của Hệ thống thống kê tập trung, bộ, ngành và UBND cấp tỉnh

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.3.2	Phân bổ kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0932	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung, bộ, ngành và UBND cấp tỉnh được phân bổ
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094					
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Dự toán kinh phí Đề án hàng năm của Hệ thống thống kê tập trung, bộ, ngành và UBND cấp tỉnh được phê duyệt
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện và trang thiết bị làm việc của Hệ thống thống kê tập trung, bộ, ngành và UBND cấp tỉnh được tăng cường; - Kế hoạch phân bổ (Bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đào tạo, bồi dưỡng).

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC						
10	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược	10					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
10.1.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30 cấp Trung ương	1011	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		2022; 2025	Quyết định thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược Trung ương
10.1.1.1	Đề xuất thành lập Ban chỉ đạo và Tổ thư ký	10111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		Tháng 7/2022; 2026	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược Trung ương
10.1.1.2	Đề xuất kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký	10112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		Tháng 7/2022; 2026	Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược Trung ương

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh	1012	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 7/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10.1.2.1	Thành lập Ban chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện chiến lược cấp tỉnh	10121	UBND cấp tỉnh			Tháng 7/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10.1.2.2	Kiện toàn nhân sự Ban chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện chiến lược cấp tỉnh	10122	UBND cấp tỉnh			2026	Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
10.2.1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung	1021					
10.2.1.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung	10211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.2.1.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung	10212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung được cập nhật
10.2.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	1022	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 7/2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh được ban hành
10.2.2.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	10221	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 7/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh được ban hành
10.2.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	10222	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh được cập nhật
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	10.3					
10.3.1	Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược cấp quốc gia	1031	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 7/2022	(01 hội nghị do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.3.2	Hội nghị cấp Bộ, ngành do các Bộ, ngành chủ trì	1032	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 8/2022	01 hội nghị do Bộ, ngành chủ trì
10.3.3	Hội nghị cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh chủ trì	1033	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 8/2022	01 hội nghị do UBND cấp tỉnh chủ trì
11	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	11					
11.1	Xây dựng Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	111					
11.1.1	Dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	1111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 7/2022	Tháng 8/2022	Dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.1.2	Lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương; tổ chức Hội thảo	1112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 8/2022	Tháng 9/2022	- Góp ý của các bộ, ngành, địa phương; - 01 Hội thảo cấp Bộ.
11.1.3	Hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ KHĐT ban hành Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	1113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.2	Biên soạn Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30	112					
11.2.1	Dự thảo Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30	1121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Dự thảo Tài liệu hướng dẫn
11.2.2	Tổ chức Hội thảo Tài liệu	1122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Tháng 11/2022	Hội thảo nội bộ TCTK
11.2.3	Hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ KHĐT ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30	1123	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 11/2022	Tháng 12/2022	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			
11.3.1	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1131	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 01/2023	Tháng 6/2023	Phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 được xây dựng và triển khai áp dụng

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	11.4					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
11.4.2	Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Thủ tướng Chính phủ	1142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2023; 2027	Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Thủ tướng Chính phủ
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143					
11.4.3.1	Hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương làm báo cáo sơ kết thực hiện CLTK21-30	11431	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	- Công văn hướng dẫn; - Báo cáo sơ kết của các bộ, ngành, địa phương.
11.4.3.2	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	11432	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 9-12/2025)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.3.3	Biên soạn báo cáo sơ kết tình hình thực hiện CLTK21-30 cấp quốc gia	11433	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 12/2025	Tháng 2/2026	Báo cáo sơ kết trình TTCP
11.4.3.4	Tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK21-30	11434	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Tháng 03/2026	Hội nghị sơ kết
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144					
11.4.4.1	Xây dựng Kế hoạch tổng kết, hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30	11441	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết của Bộ, ngành; địa phương
11.4.4.2	Tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại bộ, ngành, địa phương	11442	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	- Báo cáo tổng kết của Bộ, ngành, địa phương (Từ Tháng 7-10/2030); - Tổ chức Hội nghị tổng kết (Tháng 10-12/2030).
11.4.4.3	Biên soạn báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 cấp quốc gia	11443	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 cấp quốc gia trình TTCP

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.4.4	Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30	11444	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Tháng 12/2030	Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30